

Phát triển đa dạng ngành nghề: tăng thu nhập và ổn định đời sống nông dân

MAI VĂN NAM

1. Đặt vấn đề

Hiện nay các nước Châu Á đang có xu hướng đa dạng hóa ngành nghề ở khu vực nông thôn. Trong bối cảnh này, nhiều nông dân ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) trong những năm qua đã tự phát tìm kiếm cơ hội đa dạng hóa ngành nghề nhằm tăng thu nhập. Trong bối cảnh gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới, cần thiết phải có sự đa dạng hóa nông nghiệp và đa dạng hóa thu nhập ở nông thôn mạnh hơn để đảm bảo tăng trưởng cao và bền vững, giảm rủi ro, cải thiện việc quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực, vốn. Vì vậy, ĐBSCL cần đẩy mạnh phát triển đa dạng ngành nghề và chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong những năm tới để góp phần nâng cao thu nhập ở nông thôn, tăng việc làm từ các hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp. Đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp có hiệu quả cũng sẽ giúp giảm bớt khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, đồng thời cải thiện bình đẳng giới thông qua việc tạo ra công việc làm mới cho phụ nữ, những người thường kém lợi thế trong sản xuất nông nghiệp nhưng có nhiều kỹ năng hơn trong tiếp thị và thương mại (Ngân hàng Thế giới, 2005).

2. Phương tiện và phương pháp nghiên cứu

2.1. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Trong những năm gần đây, thành phố Cần Thơ đẩy mạnh phát triển đa dạng ngành nghề theo hướng phi nông nghiệp (công nghiệp, thương mại - dịch vụ) và nông nghiệp có giá trị cao. Đề tài nghiên cứu phát triển đa dạng ngành nghề nhằm tăng thu nhập và ổn định đời sống nông dân được tiến hành ở quận Ô Môn, thành phố Cần

Thơ, là địa phương đang đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển đa dạng ngành nghề để tăng hiệu quả sản xuất và thu nhập cho nông hộ. Thời gian được khảo sát từ năm 2006 đến đầu năm 2007.

2.2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu nhằm xác định mức độ đa dạng ngành nghề và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển đa dạng ngành nghề và tăng thu nhập cho nông hộ ở quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Cụ thể: (1). xác định mức độ đa dạng ngành nghề và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển đa dạng ngành nghề ở quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ; (2). phân tích mức độ ảnh hưởng của phát triển đa dạng ngành nghề đến tăng thu nhập của nông hộ; (3). đề xuất các giải pháp phát triển đa dạng ngành nghề nhằm tăng thu nhập nông hộ.

2.3. Kiểm định giả thuyết

Đề tài nghiên cứu nhằm kiểm định 3 giả thuyết: (1). thu nhập của nhóm nông hộ phát triển đa dạng ngành nghề cao hơn nhóm nông hộ chưa đa dạng ngành nghề; (2). nguồn lực của nông hộ như diện tích đất canh tác, tỷ lệ lao động và khả năng tiếp cận nguồn vốn là các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến phát triển đa dạng ngành nghề của nông hộ; (3). mức độ đa dạng ngành nghề, phát triển ngành nghề phi nông nghiệp có ảnh hưởng tăng thu nhập nông hộ.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

2.4.1. Cách tiếp cận

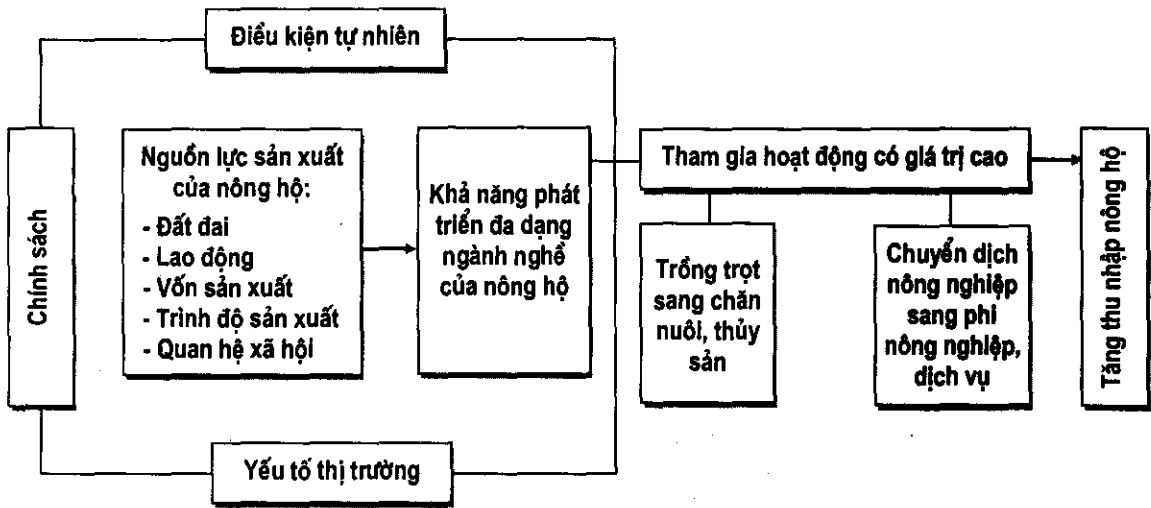
Theo kết quả nghiên cứu của các tác giả như Reardon (2006), hoạt động phi nông nghiệp làm tăng thu nhập của nông hộ, thu

nhập của nông hộ từ các hoạt động đa dạng ngành nghề theo hướng tham gia hoạt động phi nông nghiệp góp phần tăng thu nhập. Các điều kiện để phát triển đa dạng ngành nghề bao gồm cơ sở hạ tầng, dịch vụ nông nghiệp, sự tham gia tích cực của doanh nghiệp tư nhân, và tạo môi trường kinh

doanh thuận lợi, chính sách hấp dẫn (Ngân hàng Thế giới, 2005).

Nghiên cứu này được tiếp cận theo hướng nông dân sử dụng hiệu quả nguồn lực của nông hộ để phát triển đa dạng ngành nghề nhằm tăng thu nhập và ổn định đời sống.

SƠ ĐỒ 1. Khung nghiên cứu phát triển đa dạng ngành nghề để tăng thu nhập nông hộ



Cách tiếp cận trong suốt quá trình nghiên cứu được thực hiện như sau:

- Phỏng vấn nông hộ và các tác nhân thị trường: bộ bảng câu hỏi phỏng vấn nông hộ và các tác nhân thị trường.
- Ý kiến chuyên gia.
- Phân tích, kiểm định, so sánh và đối chiếu.

2.4.2. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu sơ cấp: số liệu được thu thập gồm điều tra cấu trúc với bảng câu hỏi soạn sẵn và bán cấu trúc, phỏng vấn trực tiếp 83 hộ; trong đó có 14 hộ hoạt động 1 ngành nghề và 52 hộ phát triển đa dạng từ 2 ngành nghề và 17 hộ phát triển đa dạng từ 3 ngành nghề trở lên. Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng được sử dụng. Các tiêu chí dùng để phân tầng như diện tích đất, loại hình sản xuất. Việc phân loại hộ được thực hiện theo quan sát và hướng dẫn của cán bộ địa phương.

Số liệu thứ cấp: số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo ngành, niên giám thống kê thành phố Cần Thơ và quận Ô Môn năm 2006, thông tin từ cán bộ quản lý địa phương và tham khảo các nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan.

2.4.3. Phương pháp phân tích

Các phương pháp nghiên cứu khoa học được sử dụng như:

Phương pháp phân tích mục tiêu (1): để đo lường mức độ đa dạng ngành nghề và thu nhập của nông hộ, chỉ số Simpson (Simpson Index of Diversity - SID) về đa dạng hóa được sử dụng. Công thức có dạng như sau:

$$SID = 1 - \sum_i P_i^2$$

Trong đó, P_i là tỷ trọng của thu nhập từ hoạt động ngành nghề thứ i . Chỉ số SID dao động từ 0 đến 1. Nếu như nông hộ chỉ tham gia hoạt động một ngành nghề, $P_i=1$, thì

SID=0; nếu số hoạt động ngành nghề tăng thì tỷ trọng P_i sẽ giảm xuống và khi đó chỉ số SID tăng và tiến về 1.

Để xác định các yếu tố nguồn lực của nông hộ ảnh hưởng đến phát triển đa dạng ngành nghề, hàm Logit¹ được sử dụng. Hàm Logit có dạng tổng quát như sau:

$$\ln(ODDS) = \ln\left(\frac{\hat{Y}}{1 - \hat{Y}}\right) = a + bX_i$$

Trong đó, \hat{Y} là xác định khả năng phát triển đa dạng ngành nghề của nông hộ và được mã hóa là 1, $(1 - \hat{Y})$ là khả năng không đa dạng hóa. Các biến giải thích (X_i) trong mô hình ước lượng bao gồm: giới tính của chủ hộ, số thành viên trong hộ, diện tích đất canh tác, tỷ lệ lao động, khả năng tiếp cận vốn. Giả định rằng phân phối của các biến trong mô hình có dạng phân phối chuẩn.

Phương pháp phân tích mục tiêu (2): xác định mức độ ảnh hưởng của phát triển đa dạng ngành nghề đến tăng thu nhập của nông hộ được ước lượng thông qua phân tích mô hình hàm thu nhập, có dạng tổng quát như sau:

$$\ln Y = b_0 + b_1 \ln X_1 + b_2 \ln X_2 + \dots + b_n \ln X_n + \varepsilon$$

Trong đó, Y là thu nhập của nông hộ; các biến giải thích (X_i) bao gồm: diện tích đất canh tác, tỷ lệ lao động, thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp, mức độ đa dạng ngành nghề (SID), và thu nhập từ trồng trọt; b_i là tham số ước lượng; ε là sai số ước lượng.

Phương pháp phân tích mục tiêu (3): sử dụng phương pháp phân tích thống kê mô tả như so sánh, kiểm định để làm căn cứ để xuất các giải pháp phát triển đa dạng ngành nghề nhằm tăng thu nhập nông hộ.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Tổng quan địa bàn nghiên cứu

Trong những năm gần đây, từ năm 2003-2004, Cần Thơ đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển đa dạng ngành nghề tăng thu nhập (Cục Thống kê TP. Cần Thơ, 2007). Điều này đã làm cho thu nhập của nông hộ từ các nguồn phi nông nghiệp có xu hướng tăng; trong khi ở các tỉnh khác trong vùng thu nhập của nông hộ vẫn phụ thuộc nhiều vào sản xuất nông nghiệp.

BẢNG 1: Cơ cấu thu nhập bình quân đầu người/tháng, ở TP.Cần Thơ và ĐBSCL, 2004

| Địa phương | Tổng 1.000đ | Nông, lâm, ngư nghiệp | | Phi nông, lâm, ngư nghiệp | | Tiền lương, tiền công | | Các khoản thu khác | |
|------------|-------------|-----------------------|-------|---------------------------|-------|-----------------------|-------|--------------------|-------|
| | | 1.000đ | % | 1.000đ | % | 1.000đ | % | 1.000đ | % |
| ĐBSCL | 371,3 | 139,6 | 37,59 | 87,8 | 23,64 | 92,7 | 24,96 | 51,3 | 13,81 |
| Cần Thơ | 400,2 | 116,7 | 29,16 | 115,2 | 28,79 | 108,3 | 27,06 | 60,0 | 14,99 |

Nguồn: Tính toán từ Niên giám thống kê, ĐBSCL, 2004.

Hiện nay, thành phố Cần Thơ nói chung và quận Ô Môn nói riêng đang thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao giá trị sản xuất và đa dạng ngành nghề, đặc biệt là nuôi trồng thủy sản và phát triển các hoạt động phi nông nghiệp nhằm giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập đối với nông hộ.

3.2. Đa dạng ngành nghề và thu nhập của nông hộ

Khoảng 60% thu nhập của nông hộ từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, trong đó

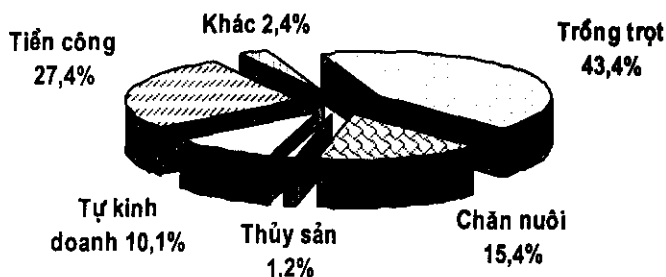
thu nhập từ trồng trọt chiếm đến 43,4%. Kết quả nghiên cứu cho thấy có đến 45,8% nông hộ phát triển đa dạng ngành nghề trong nội bộ của ngành nông nghiệp như chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có giá trị cao như (nuôi heo, thủy sản). Do tình hình dịch cúm tái phát nên nhiều nông dân đã chuyển từ chăn nuôi gia cầm sang chăn nuôi heo. Và có 42,2% nông hộ phát triển đa dạng ngành nghề phi nông nghiệp. Tỷ lệ nông dân tham gia vào các hoạt động phi nông nghiệp như tự kinh doanh qui mô nhỏ, làm thuê (công nhân, phục vụ quán

Phát triển đa dạng ...

ăn, bốc xếp nhà máy lương thực,...) chiếm 35% tổng nhân khẩu và 37,5% thu nhập của nông hộ. Do thị trường nông sản thường

xuyên biến động, nông dân đẩy mạnh phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp nhằm tăng thu nhập và ổn định đời sống.

BIỂU ĐỒ 1. Cơ cấu thu nhập của nông hộ ở Ô Môn, 2006



Mức độ phát triển đa dạng ngành nghề của nông dân còn thấp, chủ yếu nông hộ tham gia hai loại hoạt động ngành nghề,

chiếm 62,7%. Thu nhập của nông dân có xu hướng tăng dần cùng với số ngành nghề mà nông hộ tham gia hoạt động.

BẢNG 2: Thu nhập và nguồn lực của nông hộ ở Ô Môn, 2006

| Số hoạt động ngành nghề | Số quan sát | | Nhân khẩu (người) | Tỷ lệ lao động (%) | Diện tích (1.000m ²) | Thu nhập (TN) | |
|-------------------------|-------------|------|-------------------|--------------------|----------------------------------|-----------------|-----------------------------|
| | (hộ) | (%) | | | | TN/hộ (đồng/hộ) | TN/lao động (đồng/lao động) |
| 1 | 14 | 16,9 | 4,3 | 69,5 | 5,10 | 26.114.286 | 8.738.259 |
| 2 | 52 | 62,6 | 5,2 | 71,9 | 4,50 | 28.461.269 | 7.612.407 |
| ≥3 | 17 | 20,5 | 5,1 | 68,7 | 4,97 | 38.481.676 | 10.983.153 |
| Trung bình | 83 | - | 5,0 | 70,8 | 4,70 | 30.117.765 | 8.507.843 |

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2006-2007.

Phát triển đa dạng ngành nghề làm tăng thu nhập của nông hộ. Mức độ đa dạng hóa ngành nghề của nông dân còn thấp, chỉ số SID bình quân của 83 hộ khảo sát chỉ đạt

0,41. Hoạt động phi nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong phát triển đa dạng ngành nghề và tăng thu nhập cho nông dân.

BẢNG 3: Mức độ đa dạng hóa và thu nhập của nông hộ ở Ô Môn 2006

| Số ngành nghề | SID | Thu nhập | | Thu nhập phi nông nghiệp | | |
|---------------|------|-----------------|-----------------------------|--------------------------|-----------------------------|-----------------|
| | | TN/hộ (đồng/hộ) | TN/lao động (đồng/lao động) | TN/hộ (đồng/hộ) | TN/lao động (đồng/lao động) | Tỷ trọng (%/hộ) |
| 1 | 0 | 26.114.286 | 8.738.259 | 7.042.857 | 2.356.653 | 27,0 |
| 2 | 0,38 | 28.461.269 | 7.612.407 | 10.815.538 | 2.892.783 | 38,0 |
| ≥3 | 0,51 | 38.481.676 | 10.983.153 | 16.350.794 | 4.666.722 | 42,49 |
| Trung bình | 0,41 | 30.117.765 | 8.507.843 | 11.312.910 | 3.195.737 | 37,6 |

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2006-2007.

Nguồn thu nhập chủ yếu từ các hoạt động phi nông nghiệp là tự kinh doanh (chiếm 33,3% thu nhập) và tham gia thị trường lao động (chiếm 66,7% thu nhập). Nhóm nông hộ có thu nhập thấp, phần lớn thu nhập từ phi nông nghiệp là tiền lương, tiền công làm thuê. Nhóm có thu nhập cao, thu nhập từ phi nông nghiệp chủ yếu từ hoạt động kinh doanh, buôn bán.

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển đa dạng ngành nghề

Kết quả phân tích mô hình Logit về các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển đa dạng ngành nghề của nông hộ cho thấy các biến giải thích như: diện tích đất canh tác, tỷ lệ lao động, khả năng tiếp cận vốn vay có ý nghĩa thống kê lần lượt là 5%, 5% và 10%.

BẢNG 4: Kết quả tóm tắt mô hình Logit về quyết định phát triển đa dạng ngành nghề

| Biến giải thích | B | S.E | P-value |
|----------------------------|--------|-------|---------|
| Giới tính | 0,542 | 1,491 | 0,716 |
| Thành viên hộ | 0,281 | 0,471 | 0,550 |
| Diện tích đất | -0,363 | 0,168 | 0,031 |
| Tỷ lệ lao động | 0,027 | 0,030 | 0,035 |
| Khả năng vay vốn | 0,032 | 0,024 | 0,095 |
| Constant | -0,454 | 4,231 | 0,635 |
| Sig. | 0,069 | | |
| -2 Log likelihood | 23,214 | | |
| Cox & Snell R ² | 0,100 | | |
| Nagelkerke R ² | 0,276 | | |

Diện tích đất canh tác có tương quan nghịch với quyết định đa dạng hóa của nông hộ. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với phát hiện của Minot thực hiện tại miền Bắc Việt Nam năm 2003 là những nông hộ bị giới hạn về diện tích đất canh tác có khả năng đa dạng hóa cao hơn những nông hộ có nhiều đất canh tác. Tỷ lệ lao động của nông hộ có ảnh hưởng đến đa dạng hóa vì mức độ đa dạng hóa cao yêu cầu tỷ lệ lao động trong độ tuổi càng cao. Khả năng tiếp cận vốn vay có tác động đến khả năng thực hiện đa dạng hóa của nông hộ. Có 74 hộ trong số 83 hộ khảo sát có tiếp cận nguồn vốn vay với mức độ đáp ứng nhu cầu chỉ đạt 52,4%. Kết quả phân tích phù hợp với giả thuyết kỳ vọng giải thích về mối quan hệ giữa khả năng tiếp cận nguồn vốn và quyết định đa dạng hóa ngành nghề.

Nhìn chung, kết quả phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định phát triển đa dạng của nông hộ thông qua mô hình hàm Logit nhị phân (Binary logistic) cho thấy diện tích đất canh tác, tỷ lệ lao động và khả năng tiếp cận nguồn vốn là các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến phát triển đa dạng ngành nghề của nông hộ và những ảnh hưởng này phù hợp với giả thuyết mong đợi.

3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tăng thu nhập

Các biến giải thích được khảo sát trong mô hình phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ bao gồm: diện tích canh tác, tỷ lệ lao động, thu nhập trồng trọt (chuyển sang cây ăn trái), thu nhập phi nông nghiệp, số hoạt động ngành nghề. Kết quả phân tích trình bày ở bảng 5 cho thấy: tỷ lệ lao động, thu nhập trồng trọt, thu nhập

phi nông nghiệp, mức độ đa dạng ngành nghề có mối tương quan chặt chẽ với các thu

nhập nông hộ ở mức ý nghĩa thống kê lần lượt là 5%, 1%, 1% và 10%.

BẢNG 5: Kết quả ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập

| Biến giải thích | Hệ số tương quan | Sai số chuẩn | P-value |
|-------------------------------|------------------|--------------|---------|
| Ln(Diện tích canh tác) | 0,132 | 0,079 | 0,105 |
| Ln(Tỷ lệ lao động) | -0,319 | 0,131 | 0,020 |
| Ln(Thu nhập phi nông nghiệp) | 0,428 | 0,051 | 0,000 |
| Ln(Mức độ đa dạng ngành nghề) | 0,392 | 0,221 | 0,085 |
| Ln(Thu nhập trồng trọt) | 0,346 | 0,048 | 0,000 |
| Constant | 5,415 | 1,247 | 0,000 |
| Sig. | 0,000 | | |
| F-test | 34.599 | | |
| R ² | 0,828 | | |
| Adjusted R ² | 0,804 | | |

Tỷ lệ lao động có tương quan nghịch đối với thu nhập của nông hộ, có nghĩa là lực lượng lao động còn thiếu việc làm ở các hộ thuần nông, chưa phát triển đa dạng ngành nghề. Thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp và trồng trọt có mối quan hệ thuận với thu nhập của nông hộ. Kết quả này phù hợp với giả thuyết mong đợi và một số nghiên cứu trước đây, khi nông dân đa dạng hóa dựa vào tham gia hoạt động phi nông nghiệp và chuyển sang canh tác các loại cây trồng có giá trị cao làm tăng thu nhập của nông hộ (Reardon, 2006; Ngân hàng Thế giới, 2005).

Tóm lại, phát triển đa dạng ngành nghề từ hoạt động phi nông nghiệp và chuyển sang canh tác các loại cây trồng có giá trị cao sẽ góp phần làm tăng thu nhập của nông hộ.

4. Các giải pháp đề xuất phát triển đa dạng ngành nghề nhằm tăng thu nhập cho nông hộ

Để phát triển đa dạng ngành nghề nhằm tăng thu nhập và ổn định đời sống nông hộ ở địa bàn nghiên cứu và ĐBSCL, các điều kiện để phát triển đa dạng nghề nghiệp cần được đáp ứng như: có hệ thống cơ sở hạ tầng hoàn thiện, dịch vụ nông nghiệp tốt, có sự tham

gia tích cực của doanh nghiệp tư nhân, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và chính sách hấp dẫn (Ngân hàng Thế giới, 2005).

- *Yếu tố sản xuất*: còn nhiều hộ nông dân chưa tham gia đa dạng hóa, có đến 16,9% nông hộ sản xuất thuần nông, do hạn chế về nguồn lực như: diện tích đất canh tác ít, thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm (tự kinh doanh, chăn nuôi,...), thiếu việc làm. Cho nên, để phát triển đa dạng ngành nghề nhằm tăng thu nhập cho nông dân, cần tăng cường khả năng tiếp cận nguồn lực cho nông hộ như: khả năng tiếp cận vốn vay, đào tạo nghề cho người lao động, phát triển khuyến nông-khuyến ngư-khuyến công cho nông dân.

- *Yếu tố thị trường*: trong tình hình thị trường đầu vào và thị trường đầu ra thường xuyên biến động, người nông dân còn gặp nhiều rủi ro trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng tăng lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh, phát triển đa dạng hóa ngành nghề nhằm tăng hiệu quả sản xuất, giảm rủi ro, tăng thu nhập cho nông dân, các nhà quản lý cần tăng cường công tác xúc tiến thương mại, thông tin thị trường, phát

triển hiệp hội ngành hàng, tổ chức lại sản xuất, phát triển kinh tế hợp tác.

- *Hệ thống cơ sở hạ tầng*: cần đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng như: nước sạch, giao thông, hệ thống điện, hệ thống thông tin truyền thông, phương tiện vận chuyển, hệ thống chợ, tổ chức tín dụng, tổ chức kinh doanh ở địa phương nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tìm việc làm, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh phát triển đa dạng ngành nghề ở địa phương và DBSCL.

- *Chính sách*: trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập toàn cầu, các yếu tố sản xuất có liên quan đến thị trường sản phẩm đầu vào và đầu ra, thị trường lao động và thị trường vốn cạnh tranh cao, nông dân khó tiếp cận khi phát triển đa dạng sản xuất và đa dạng ngành nghề, hỗ trợ cho nông hộ có điều kiện thuận lợi tiếp cận các yếu tố đầu vào, thông tin thị trường, vốn.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy nông hộ phát triển đa dạng ngành nghề theo hướng chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có giá trị cao hoặc tham gia hoạt động phi nông nghiệp. Nhìn chung, thu nhập của nhóm hộ phát triển đa dạng ngành nghề cao hơn nhóm hộ chưa đa dạng là 18% (phù hợp với kiểm định 1). Các yếu tố nguồn lực của nông hộ như diện tích đất canh tác, tỷ lệ lao động và khả năng tiếp cận nguồn vốn có ảnh hưởng đến phát triển đa dạng ngành nghề (phù hợp với kiểm định 2). Thu nhập của nông hộ cũng có mối quan hệ chặt chẽ với tỷ lệ lao động, mức độ phát triển đa dạng ngành nghề, hoạt động phi nông nghiệp

và trồng trọt có giá trị cao; trong đó, mức độ đa dạng ngành nghề và thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp đóng vai trò quan trọng góp phần tăng thu nhập (phù hợp với kiểm định 3).

Để phát triển đa dạng ngành nghề nhằm tăng thu nhập và ổn định đời sống cho nông dân, các nhà quản lý và chính quyền địa phương cần có giải pháp chiến lược đầu tư phát triển các điều kiện đa dạng ngành nghề như: tiếp cận thuận lợi các yếu tố sản xuất, phát triển thị trường, phát triển cơ sở hạ tầng, chính sách hấp dẫn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Boardman, Greenberg, Vining, Weimer (2001), *Cost-benefit Analysis Concepts and Practice*, Prentice-Hall, Inc.
2. Cục Thống kê thành phố Cần Thơ (2007), *Niên giám thống kê 2006*.
3. Mai Văn Nam (2008), *Giáo trình kinh tế lượng*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
4. Minot, N. (2003), "Income Diversification and Poverty in the Northern Uplands of Vietnam", Tokyo: Japan Bank for International Cooperation.
5. Ngân hàng Thế giới (2005), "Việt Nam - thúc đẩy công cuộc phát triển nông thôn - từ viễn cảnh tới hành động", tr. 10.
6. Reardon (2006), *Household Income Diversification into Rural Nonfarm Activities, Transforming the Rural Nonfarm Economy*, Johns Hopkins University Press.
7. Russell Davidson, James G. Mackinnon (2004), *Econometric Theory and Methods*, Oxford University Press.